

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA SÚP
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/DS-ST

Ngày 23 - 05 - 2025

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA SÚP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Quốc Chinh

Các Hội thẩm nhân: Bà Bùi Thị Kim Dung

Bà Nguyễn Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Hồng Hương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 05 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 04/2024/TLST-DS, ngày 07 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 04 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 59/2025/QĐST-DS ngày 06 tháng 05 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị L** – sinh năm 1966

Địa chỉ: Số 92 L, khu dân cư C 1, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông **Nguyễn Quốc B** – SN: 1978

Địa chỉ: Hẻm 310 H, phường T, thành phố Buôn Ma T, tỉnh Đắk Lắk, theo văn bản uỷ quyền ngày 15/10/2024 (Có mặt).

Bị đơn: Ông **Bùi Đức S** – SN: 1965

Địa chỉ: Số 102 Â, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Quốc B trình bày:

Khoảng thời gian từ tháng 10/2021 đến tháng 02/2022 bà Nguyễn Thị L cho ông S vay tiền đầu tư phát triển kinh tế với tổng số tiền 1.543.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản và tiền mặt như sau:

Về hình thức cho vay bằng chuyển khoản, bà L, sử dụng số tài khoản 109870254104 tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (Vietin Bank) chủ tài khoản Nguyễn Thị L chuyển vào số tài khoản 5212205115915 tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chủ tài khoản Bùi Đức S tổng số tiền là 1.343.000.000 đồng (không tính phí chuyển tiền) vào các lần:

Lần thứ nhất vào ngày 13/10/2021, chuyển 250.000.000 đồng

Lần thứ hai ngày 13/10/2021, chuyển 300.000.000 đồng

Lần thứ ba ngày 15/10/2021, chuyển 130.000.000 đồng

Lần thứ tư ngày 08/12/2021, chuyển 300.000.000 đồng

Lần thứ năm ngày 09/12/2021, chuyển 353.000.000 đồng

Lần thứ sáu ngày 02/3/2022, chuyển 10.000.000 đồng

Về hình thức cho vay bằng tiền mặt: Cuối năm 2021 (âm lịch) bà L cho ông S vay 130.000.000 đồng. Đầu năm 2022, bà L chuyển cho ông S vay 150.000.000 đồng (khoản vay này ông S đã trả được 80.000.000 đồng còn nợ lại 70.000.000 đồng).

Tại phiên tòa nguyên đơn xin rút đơn khởi kiện đối với khoản vay 130.000.000 đồng.

Hiện nay, ông Bùi Đức S còn nợ bà Nguyễn Thị L số tiền nợ gốc 1.413.000.000 (*Một tỷ bốn trăm mười ba triệu đồng*) và tiền lãi theo quy định pháp luật.

Quá trình tố tụng bị đơn ông Bùi Đức S trình bày: Ông S thừa nhận bà Nguyễn Thị L có chuyển khoản cho ông S số tiền 1.343.000.000 đồng theo đúng trình bày của bà L về các lần chuyển khoản. Số tiền này ông S không vay của bà L, việc bà L chuyển khoản là do ông S yêu cầu bà L chuyển lại số tiền ông S đã gửi trong két sắt nhà bà L để ông S làm ăn kinh tế. Đối với số tiền bà L nói ông S vay của bà L 130.000.000 đồng là không có, ông S không vay của bà L số tiền này. Ông S thừa nhận có vay bà L 150.000.000 đồng nhưng ông S đã trả đủ số tiền này cho bà L. Hiện nay, ông S không còn nợ bà L khoản tiền nào cả. Đối với yêu cầu của bà L yêu cầu ông S phải trả toàn bộ số nợ gốc 1.413.000.000 (*Một tỷ bốn trăm mười ba triệu đồng*) và tiền lãi theo quy định pháp luật ông S không đồng ý.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Ea Súp đã tiến hành điều tra xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Thẩm phán phổ biến cho các đương sự về các quy định của pháp luật có liên quan đến việc giải quyết vụ án để đương sự liên hệ đến quyền, nghĩa vụ của mình, phân tích hậu quả pháp lý của việc hoà giải thành để

họ tự nguyện thoả thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Nhưng nguyên đơn và bị đơn không thống nhất được các vấn đề tranh chấp nên hoà giải không thành. Do đó, căn cứ Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định tại các Điều 26, 36, 93, 94, 95, 96, 97, 195, 196, 203 và 220 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 463, khoản 4 Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự, đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Bùi Đức S có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền đã nhận chuyển khoản là 1.343.000.000 đồng, không tính lãi suất và buộc ông Bùi Đức S có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 70.000.000 đồng và tính lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày vay cho đến ngày xét xử, Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu ông Bùi Đức S phải trả cho bà L số tiền 130.000.000 đồng, do bà L rút một phần yêu cầu khởi kiện. Về án phí ông Bùi Đức S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận. Bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Nguyễn Thị L khởi kiện ông Bùi Đức S có địa chỉ số 102 đường A, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Ea Súp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Hội đồng xét xử nhận thấy bà Nguyễn Thị L đã sử dụng số tài khoản 109870254104 tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (Vietin Bank) chủ tài khoản bà Nguyễn Thị L chuyển vào số tài khoản 5212205115915 tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chủ tài khoản ông Bùi Đức S tổng số tiền 1.343.000.000 đồng (không tính phí chuyển

tiền) vào các lần: Lần thứ nhất vào ngày 13/10/2021 chuyển 250.000.000 đồng; Lần thứ hai ngày 13/10/2021 chuyển 300.000.000 đồng; Lần thứ ba ngày 15/10/2021 chuyển 130.000.000 đồng; Lần thứ tư ngày 08/12/2021 chuyển 300.000.000 đồng; Lần thứ năm ngày 09/12/2021 chuyển 353.000.000 đồng; Lần thứ sáu ngày 02/3/2022 chuyển 10.000.000 đồng. Đầu năm 2022 bà Nguyễn Thị L đưa cho ông S số tiền mặt 150.000.000 đồng, số tiền này bà L thừa nhận ông Sang đã trả được 80.000.000 đồng ông S còn nợ lại 70.000.000 đồng. Ông Bùi Đức S cũng thừa nhận ông S có nhận chuyển khoản của bà L đúng với số tiền 1.343.000.000 đồng, ông S cũng thừa nhận có vay của bà L số tiền mặt 150.000.000 đồng. Việc ông S cho rằng số tiền 1.343.000.000 đồng ông S nhận chuyển khoản từ bà L là số tiền ông S gửi nhờ kết sắt nhà bà L nên ông yêu cầu bà L chuyển lại cho ông tuy nhiên ông S không có chứng cứ, chứng minh cho việc gửi tiền vào kết sắt nhà bà L và không có chứng cứ cho việc ông S trả toàn bộ số tiền 150.000.000 đồng cho bà L. Do đó việc bà Nguyễn Thị L chuyển khoản 1.343.000.000 đồng và đưa tiền mặt 70.000.000 đồng trong số tiền 150.000.000 đồng cho ông Bùi Đức S, tổng số tiền ông S đã nhận 1.413.000.000 (*Một tỷ bốn trăm mười ba triệu đồng*) là có thực, bà L khẳng định số tiền này là bà cho ông S vay, ông S thừa nhận đã dùng số tiền này đầu tư mua xe chạy dịch vụ và mở phòng khám thú cưng tại TP. B nên giữa bà L và ông S đã phát sinh Hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự.

Tại phiên tòa nguyên đơn xin rút một phần đơn yêu cầu khởi kiện đối với khoản vay 130.000.000 đồng, căn cứ Điều 217, 218, 219 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu đối với khoản tiền 130.000.000 đồng.

[3] Về lãi suất: Bà Nguyễn Thị L yêu cầu ông Bùi Đức S phải trả lãi suất theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận thấy khi vay hai bên không thỏa thuận thời hạn trả và lãi suất. Theo quy định tại khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự *“Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào, nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý”*. Bà L đã báo cho ông S trả nợ bằng nhắn tin thông qua mạng xã hội Zalo nhiều lần, lần cuối vào ngày 14/03/2022 ông S cũng thừa nhận, do đó bà L báo cho ông S trả nợ đúng theo quy định, nhưng ông S vẫn không trả nợ cho bà L. Căn cứ khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự *“Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ....thì bên vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả”* do đó có cơ sở chấp nhận yêu cầu lãi suất của nguyên đơn tính từ ngày chậm trả ngày 14/03/2022 theo mức lãi suất $10\%/năm = 0,83\%/tháng$.

[4] Về yêu cầu khởi kiện: Hội đồng xét xử nhận thấy từ khi vay cho tới thời điểm bà L yêu cầu ông S trả nợ đến nay ông S không trả cho bà L khoản tiền gốc và lãi nào như vậy ông S đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, cần áp dụng Điều 463, khoản 4 Điều 466,

khoản 2 Điều 468, khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà L. Buộc ông Bùi Đức Sang có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị L tổng số tiền nợ gốc 1.413.000.000 (*Một tỷ bốn trăm mười ba triệu đồng*) và lãi suất chậm trả theo mức lãi suất 10%/năm = 0,83%/tháng, cụ thể lãi suất tương ứng với thời gian chậm trả tính từ ngày 14/03/2022 đến ngày xét xử ngày 23/05/2025 là 38 tháng 09 ngày lãi suất (1.413.000.000 đồng x 0,83%) x 38 tháng 09 ngày = 449.178.000 đồng. Tổng nợ gốc, tiền lãi chậm trả là 1.862.178.000 đồng.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên cần áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc ông Bùi Đức S phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm 67.865.340 đồng.

Bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147; 217; 218; 219, điểm b, khoản 2 Điều 227; Điều 235; Điều 266; khoản 1 Điều 273; Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, Điều 463, khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468, khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

Buộc ông Bùi Đức S phải trả lại cho bà L Tổng số tiền 1.862.178.000 (*Một tỷ tám trăm sáu mươi hai triệu một trăm bảy mươi tám nghìn đồng*) trong đó tiền gốc 1.413.000.000 (*Một tỷ bốn trăm mười ba triệu đồng*), tiền lãi 449.178.000 (*Bốn trăm bốn mươi chín triệu một trăm bảy mươi tám nghìn đồng*).

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng ông Bùi Đức S còn phải chịu lãi theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền còn phải thi hành án.

Đình chỉ một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu ông Bùi Đức S phải trả cho bà L số tiền 130.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị L không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại yêu cầu trên nếu yêu cầu sau không có gì khác với yêu cầu trước về nguyên đơn, bị đơn và quan hệ pháp luật tranh chấp.

Về án phí: Buộc ông Bùi Đức S phải chịu 67.865.000 (*Sáu mươi bảy triệu tám trăm sáu mươi lăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị L không phải chi án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Nguyễn Thị L số tiền tạm ứng án phí 29.149.000 (*Hai mươi chín triệu một trăm bốn mươi chín nghìn đồng*) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện E theo biên lai thu số 0003671 ngày 07/10/2024.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 luật thi hành án dân sự.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Ea Súp;
- Chi cục THADS huyện E;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

(Đã ký)

Lưu Quốc Chính